TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 08 - 12 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ

Bà Nguyễn Thị Tư

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 80/2020/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị Tuyết S, sinh năm: 1995. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã VX, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: ấp VT, xã TT, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: anh Lê Công C , sinh năm: 1990. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấpV, xã VX, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lưu Thanh P, Luật sư công ty Luật TNHH MTV T H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Công C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2020 của chị Bùi Thị Tuyết S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Tuyết S và anh Lê Công C kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V X, huyện T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018, quyển số 01 ngày 14/5/2018. Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C không chăm sóc vợ con, vợ chồng không tin tưởng nhau, cuộc sống không còn hanh phúc; từ tháng 06/2020 chị S về nhà cha mẹ ruột ở ấp V, xã T T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long sinh sống cho đến nay. Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên yêu cầu được ly hôn với anh C

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Phương Ng, sinh ngày 08/4/2019, hiện đang sinh sống cùng chị S; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: có 20 chỉ vàng 24K gồm 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng, 02 chiếc vòng 04 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ, hiện số tài sản trên do anh C quản lý. Chị yêu cầu được hưởng 01 đôi bông tai 01 chỉ và 9,5 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Công C trình bày: thống nhất theo lời trình bày của chị S về quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và không còn sống chung từ mùng 05 tết cho đến nay, anh đồng ý ly hôn với chị S. Tại phiên tòa sơ thẩm anh yêu cầu được đoàn tụ để nuôi con.

Về con chung: thống nhất có 01 con chung tên Lê Phương Ng, sinh ngày 08/4/2019, hiện đang sinh sống cùng chị S, anh đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: thống nhất có 20 chỉ vàng cưới, nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng đã thỏa thuận bán tiêu xài hết, khi đi bán vàng ở chợ VX do cá nhân anh đi, anh đồng ý giao cho chị S 01 chỉ vàng 24K là đôi bông tai.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr quyết định:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 33, 59, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Tuyết S.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho nguyên đơn chị Bùi Thị Tuyết S được ly hôn với anh Lê Công C.

Về con chung: giao con chung tên Lê Phương Ng, sinh ngày 08/4/2019 cho chị Bùi Thị Tuyết S nuôi dưỡng, anh Lê Công C phải cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24/9/2020, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: buộc anh Lê Công C có nghĩa vụ giao lại cho chị Bùi Thị Tuyết S 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K và 9,5 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2020, bị đơn anh Lê Công C có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu tòa án giải quyết cho anh và chị S được đoàn tụ chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa: anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: anh C và chị S chung sống hạnh phúc 02 năm, chị S cho rằng anh C không tin tưởng chị, nhưng chị cũng xác định là anh C thương yêu vợ con, chị S về nhà cha mẹ ruột sinh sống 01 thời gian ngắn thì gửi đơn xin ly hôn, nên thời gian chưa đủ để các bên suy nghĩ về vấn đề ly hôn, nên đề nghị cho anh C được đoàn tụ.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý đến khi giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự tham gia phiên tòa cũng chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy, về hôn nhân giữa anh C và chị S kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX theo giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 14/5/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chị S, anh C chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Chị S cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh C không quan tâm chăm sóc vợ con và vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến sự cãi vả nên yêu cầu được ly hôn với anh C. Xét thấy, anh C và chị S tuy có xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc anh C chăm sóc chưa chu đáo cho vợ con nên chị S giận dỗi bỏ về cha mẹ ruột sinh sống, anh C thừa nhận anh cũng chưa làm tròn nghĩa vụ của chồng, thấy được thiếu sót mong muốn được đoàn tụ để có cơ hội chăm sóc vợ con. Mặt khác, anh chị là vợ chồng trẻ, cưới và chung sống thời gian chưa dài nên chưa có thời gian hiểu nhau hơn, ngoài bất đồng

quan điểm thì vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn trầm trọng đến mức phải ly hôn. Hiện tại vợ chồng cũng đã có với nhau một con chung, con lại còn rất nhỏ rất cần tình cảm yêu thương của cả cha và mẹ để cháu phát triển toàn diện hơn. Đồng thời, cần có thời gian để anh C và chị S hiểu suy ngẫm lại quan hệ hôn nhân của mình và hàn gắn lại tình cảm cùng nhau xây dựng hạnh phúc, vì vậy yêu cầu ly hôn của chị S thời điểm này là chưa đủ căn cứ, do vậy kháng cáo của anh C yêu cầu được đoàn tụ với chị S là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Công C; sửa bản án sơ thẩm, anh C không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: chị Bùi Thị Tuyết S và anh Lê Công C kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, huyện Tr, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018, quyển số 01 ngày 14/5/2018, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Công C xin đoàn tụ là có căn cứ chấp nhận vì: tại phiên tòa chị S xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa trầm trọng, anh C không có bạo lực gia đình, anh chị cũng không thường xuyên cãi nhau, chỉ vì anh C làm lương không đưa cho chị nên chị thấy anh C không tin tưởng chị, chị xin ly hôn. Anh C xác định anh còn rất thương vợ con, vợ chồng không mâu thuẫn trầm trọng, anh C đưa ra nhiều giải pháp đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, anh chị chỉ có khoảng thời gian ngắn không sống chung nhau, hiện tại con chung còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của cha và mẹ, anh C cũng tha thiết xin đoàn tụ, nên chấp nhận kháng cáo của anh C, bác đơn xin ly hôn của chị S.

[3] Về án phí: do chấp nhận kháng cáo của anh C, nên anh C không phải nộp án phí phúc thẩm.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Lời bảo vệ của luật sư bảo vệ cho bị đơn là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Công C; sửa bản án sơ thẩm số 80/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

Không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Tuyết S đối với anh Lê Công C.

Án phí: căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Công C không phải nộp án phí phúc thẩm; hoàn trả cho anh C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016401 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TAND H T.ÔN: 01;
- CQTHADS H T.ÔN: 01;
- NKC, Đ/S: 02;
- UBND xã Vĩnh Xuân: 01;
- Lưu Tòa Dân sự: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Thị Kiều Duyên